

# REVIEW 4

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

**Mục tiêu:** Ôn luyện các âm, từ vựng, cấu trúc đã học trong phạm vi từ Unit 16 đến Unit 20.

**Âm vị:** /w/ của con chữ w

/p/ của con chữ p

/r/ của con chữ r

/s/ của con chữ s

/k/ của con chữ k

**Từ vựng:** *Wendy, window, water, washing*

*Peter, pasta, popcorn, pizza*

*rainbow, river, rabbit, road*

*sail, sand, sea, singing*

*Kate, bike, kite, kitten*

**Cấu trúc:** Nói có thể nhìn thấy ai/cái gì: *I can see Wendy/the water.*

Nói lời mời dùng món ăn: *Let's have some popcorn.*

Nói khả năng có thể nhìn thấy gì: *I can see a rainbow.*

Nói khả năng có thể nhìn thấy gì: *I can see the sea.*

Nói hành động đang xảy ra (ai đang làm gì): *She's flying a kite.*

## II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

### 1. Listen and read.

**Mục tiêu:** Nghe, đọc và hiểu nội dung câu chuyện ngắn.

**Nội dung:** Bốn tranh nhỏ với nội dung chính: Phil và Sue đi dã ngoại cùng nhau và gặp các bạn.

- Tranh 1: Sue chỉ tay nói Wendy đang lau cửa sổ.

- Tranh 2: Phil chỉ tay và nói Peter đang ăn bánh pizza.

- Tranh 3: Sue chỉ tay nói Kate đang chơi với con mèo con.

- Tranh 4: Phil chỉ tay và chào tạm biệt Sue đang trên thuyền.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh nghe và chỉ vào lời nói của các nhân vật trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe, chỉ vào các lời nói của các nhân vật và nhắc lại.

Bước 4: Học sinh nhìn tranh và đọc thành tiếng câu chuyện.

Bước 5: Làm việc theo cặp/nhóm, một học sinh chỉ từng tranh, học sinh còn lại đọc thành tiếng lời nói của nhân vật/hoặc kể lại lời thoại. Nếu có thời gian, giáo viên hướng dẫn học sinh đóng vai Phil và Sue để kể lại nội dung câu chuyện.

**Kết quả:** Học sinh hiểu nội dung câu chuyện.

## **2. Look again and circle.**

**Mục tiêu:** Nhận dạng và khoanh tròn từ đã nghe và đọc được trong câu chuyện.

**Nội dung:** Mười từ chỉ đồ vật, con vật, món ăn, ... đã học từ Unit 16 đến Unit 20.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận diện các từ (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh nói thành tiếng các từ.

Bước 3: Học sinh đọc lại lời nói của các nhân vật trong bốn tranh ở trên.

Bước 4: Học sinh khoanh tròn các từ xuất hiện trong lời nói của các nhân vật.

Bước 5: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

**Kết quả:** Học sinh tìm và khoanh tròn nhanh và chính xác các từ xuất hiện trong câu chuyện đã đọc ở trên.

# SELF-CHECK 4

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

**Mục tiêu:** Tự kiểm tra các âm vị, từ vựng, cấu trúc đã học từ Unit 16 đến Unit 20.

## II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

### 1. Listen and circle.

**Mục tiêu:** Nghe và khoanh tròn vào chữ cái biểu thị âm nghe được.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn câu. Mỗi câu gồm hai con chữ.

Câu 1: p b                      Câu 2: s t

Câu 3: g k                      Câu 4: r w

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung bài tập (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng cặp con chữ và nói thành tiếng các âm biểu thị bởi các con chữ đã học trong các bài trước.

Bước 3: Học sinh nghe và khoanh tròn vào chữ cái biểu thị âm nghe được.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh nói lại các âm vừa đánh dấu.

Lưu ý: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. p    2. s    3. k    4. r

**Kết quả:** 1. p    2. s    3. k    4. r

### 2. Listen and tick.

**Mục tiêu:** Nghe và đánh dấu vào ô chỉ tranh nghe được.

**Nội dung:** Bài tập gồm ba câu. Mỗi câu gồm hai tranh.

Câu 1. a: cửa sổ; b: cửa ra vào

Câu 2. a: bánh pizza; b: mì Ý

Câu 3. a: biển; b: bờ cát

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung minh hoạ trong tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng cặp tranh và nói thành tiếng tên mỗi đồ vật/đồ ăn trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe và đánh dấu vào ô chỉ tranh nghe được.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh nói lại từ chỉ đồ vật/đồ ăn của các tranh vừa đánh dấu.

Lưu ý: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. window      2. pasta      3. sea

**Kết quả:** 1. a                      2. b                      3. a

### 3. Listen and tick or cross.

**Mục tiêu:** Nghe và đánh dấu ✓ hoặc ✗ vào ô ở dưới mỗi tranh.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn câu.

Câu 1: Bé trai ăn bỏng ngô.      Câu 2: cầu vồng

Câu 3: mèo con                      Câu 4: Wendy đang lau cửa ra vào.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem và nhận xét nội dung minh hoạ trong tranh (như trong phần Nội dung).

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng tranh và nói thành tiếng từ chỉ mỗi người/vật/con vật hoặc hành động đang xảy ra trong tranh.

Bước 3: Học sinh nghe đĩa và đánh dấu ✓ vào ô nếu câu nghe được phù hợp với nội dung tranh, dấu ✗ nếu câu nghe được không phù hợp với nội dung tranh.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi kết quả theo cặp/nhóm.

Bước 5: Nếu học sinh làm sai hoặc gặp khó khăn trong khi làm bài, giáo viên có thể cho học sinh nghe lại nhiều lần.

**Audioscript:** 1. Let's eat popcorn!                      2. Look at that lovely rainbow!  
3. I can see a kitten.                                      4. Wendy is washing a window.

**Kết quả:** 1. ✓    2. ✓    3. ✓    4. ✗

#### 4. Write and say.

**Mục tiêu:** - Điền đúng con chữ vào các từ khuyết thiếu.

- Nói từ chỉ đồ vật được minh họa trong tranh.

**Nội dung:** Bài tập gồm bốn tranh: 1. nước; 2. miếng pizza; 3. cái buồm; 4. cái diều.  
Dưới mỗi tranh là từ (chưa hoàn chỉnh) minh họa đồ vật/đồ ăn/đồ uống tương ứng.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh xem, nhận xét nội dung các tranh (như trong phần Nội dung) và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh chỉ vào từng tranh và nói tên vật/con vật trong tranh.

Bước 3: Học sinh xác định con chữ còn khuyết thiếu và điền hoàn chỉnh từ dưới mỗi tranh.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi và kiểm tra kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

Bước 5: Làm việc theo cặp/nhóm, một học sinh chỉ tay vào tranh, học sinh còn lại nói từ chỉ tranh.

**Kết quả:** Học sinh điền đúng con chữ còn thiếu và nói chính xác từ dưới mỗi tranh.

#### 5. Read and tick.

**Mục tiêu:** Đọc và đánh dấu vào ô chỉ tranh minh họa cho câu đã đọc.

**Nội dung:** Bài tập gồm ba câu. Mỗi câu bao gồm một cấu trúc đã học và hai tranh để học sinh lựa chọn và đánh dấu.

Câu 1: Cấu trúc giới thiệu đồ vật; tranh a: con đường và tranh b: cầu vồng.

Câu 2: Cấu trúc chào và giới thiệu bản thân; tranh a: Ken chào và vẫy tay và tranh b: Kate chào và vẫy tay.

Câu 3: Cấu trúc giới thiệu con vật; tranh a: một con chó nhỏ và tranh b: một con mèo con.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh quan sát, nói nội dung các tranh (như trong phần Nội dung) và nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh đọc hiểu nội dung các câu.

Bước 3: Học sinh quan sát tranh và lựa chọn tranh thích hợp để đánh dấu.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả bài làm theo cặp/nhóm.

Bước 5: Theo cặp/nhóm, một học sinh đọc câu, học sinh còn lại chỉ vào tranh tương ứng.

**Kết quả:** Học sinh đánh dấu đúng vào tranh minh họa cho nội dung câu đã đọc.

## **6. Colour the things you like. Then write and say.**

**Mục tiêu:** Tô màu vật/con vật yêu thích, điền đúng và chính xác thông tin còn thiếu vào các câu chưa hoàn chỉnh.

**Nội dung:** - Sáu tranh (chưa có màu) để học sinh lựa chọn và tô màu.  
- Các câu chưa hoàn chỉnh để học sinh viết đầy đủ.

**Quy trình:** Bước 1: Học sinh nhận xét nội dung tranh, các câu còn khuyết thiếu và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.

Bước 2: Học sinh lựa chọn đồ ăn/đồ vật/con vật mình yêu thích và tô màu.

Bước 3: Học sinh xác định thông tin cần điền vào câu khuyết thiếu (tên của bản thân, đồ ăn/đồ vật/con vật yêu thích) và điền vào chỗ trống.

Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả tô màu, điền thông tin còn thiếu theo cặp/nhóm.

Bước 5: Học sinh chỉ vào tranh tô màu và nói các câu đã được điền đầy đủ.

**Kết quả:** Học sinh tô màu tranh, điền từ còn thiếu và nói chính xác các câu sau khi đã điền đầy đủ.

## 7. Find the words.

- Mục tiêu:** Tìm từ đã học trong hình theo hàng dọc và hàng ngang.
- Nội dung:** Bài tập gồm một hình có các con chữ sắp xếp theo hàng dọc và hàng ngang, xung quanh là 8 từ đã học trong các Unit 16 đến Unit 20.
- Quy trình:**
- Bước 1: Học sinh quan sát, nhận diện các từ xung quanh hình hình ô chữ và nói nhiệm vụ cần thực hiện (như trong phần Nội dung).
- Bước 2: Học sinh đọc hiểu nội dung các từ xung quanh hình ô chữ.
- Bước 3: Học sinh quan sát các từ gợi ý, tìm theo hàng dọc và hàng ngang các từ giống như vậy và khoanh tròn.
- Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả bài làm theo cặp/nhóm.
- Bước 5: Theo cặp/nhóm, một học sinh đọc từ, học sinh còn lại chỉ vào phần khoanh tròn từ đó trong ô chữ.
- Kết quả:** Học sinh tìm đúng và khoanh tròn chín từ trong ô chữ.

## 8. Write the words.

- Mục tiêu:** Viết từ chỉ đồ vật minh hoạ trong tranh vào chỗ trống.
- Nội dung:**
- Bốn tranh đồ vật, bên cạnh là khoảng trống để học sinh điền từ.
  - Tranh cầu vồng và từ *rainbow* viết bên cạnh là ví dụ để học sinh làm quen.
  - Các tranh còn lại là: cái bướm, biển, cái diều và cát.
- Quy trình:**
- Bước 1: Học sinh nhận xét nội dung tranh, các từ còn khuyết thiếu (như trong phần Nội dung) và xác định nhiệm vụ cần thực hiện.
- Bước 2: Giáo viên yêu cầu một số học sinh nói các từ chỉ các vật/con vật trong tranh. Cả lớp nghe và nhắc lại.
- Bước 3: Học sinh điền từ chỉ vật trong tranh vào ô trống bên cạnh mỗi tranh.
- Bước 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi, đối chiếu và nhận xét kết quả điền từ còn thiếu theo cặp/nhóm.
- Bước 5: Học sinh chỉ vào tranh và nói các từ đã được điền đầy đủ.
- Kết quả:** Học sinh điền đúng từ còn thiếu vào ô trống.